

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H. HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST
Ngày: 22-9-2021
V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị

Bà L Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà L Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 22/9/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2020/TLST-DS ngày 12/11/2020 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 03, thôn M, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn D, xã H1, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 24/11/2020). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông L Thanh L, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 71 T, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 03, thôn Tr, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2019 do có quan hệ quen biết trong gia đình nên bà L đã nhận lời làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Bà L cam kết làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T và yêu cầu bà T đưa tiền để bà L làm hồ sơ đất đai. Tổng số tiền bà T đã đưa cho bà L số tiền 80.000.000 đồng.

Sau khi nhận của bà T số tiền trên bà L không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T theo cam kết và cũng không trả lại số tiền đã nhận mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu. Đến ngày 10/3/2020 bà L đã viết biên bản thỏa thuận xác nhận nợ với nội dung xác nhận đã nhận của bà T số tiền 80.000.000 đồng để làm giấy tờ đất và hứa sẽ trả tiền cho bà T hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/ tháng. Tuy nhiên bà L vẫn không thực hiện đúng nội dung cam kết tại biên bản thỏa thuận ngày 10/3/2020. Sau đó bà T đã gửi đơn tố cáo hành vi của bà L đến cơ quan công an. Tại biên bản làm việc tại công an huyện Hòa Vang bà L đã thừa nhận việc nhận tiền của bà T và hẹn đến ngày 14/8/2020 sẽ trả dứt điểm số tiền này nhưng đến nay bà L vẫn cố tình không trả nợ, vì vậy nên bà T đã khởi kiện bà L ra trước Tòa án để yêu cầu trả tiền.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà T tiếp tục có đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang trả lời xác định đây là quan hệ dân sự nên không giải quyết.

Nay bà Trần Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Trúc L trả số tiền gốc 80.000.000 đồng và trả số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 15/8/2020 đến ngày 22/9/2021 (403 ngày) trên tổng số tiền 80.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm là 8.832.877 đồng. Tổng cộng số tiền bà Trần Thị Thanh T yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L phải trả là 88.832.877 đồng.

Tại bản tự khai ngày 23/11/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Bà xác nhận sự việc bà có nhận số tiền 80.000.000 đồng của bà T để hứa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Tuy nhiên bà không làm được giấy tờ cho bà T nên vào ngày 10/3/2020 bà và bà T đã viết biên bản thỏa thuận với nội dung bà xác nhận đã nhận của bà T số tiền 80.000.000 đồng và hứa sẽ trả tiền cho bà T hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng nhưng vì dịch bệnh nên không có tiền trả. Sau đó bà T có đơn tố cáo tại Công an huyện Hòa Vang và

tại buổi làm việc ở công an huyện Hòa Vang bà đã hứa là đến ngày 14/8/2020 sẽ trả dứt điểm số tiền này nhưng đến nay vẫn không có tiền để trả được.

Nay bà đồng ý trả số tiền gốc và lãi tạm tính 88.832.877 đồng như bà T yêu cầu nhưng vì khó khăn nên xin được trả dần số tiền trên, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn khởi kiện, Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ, bản sao CMND, sổ hộ khẩu của nguyên đơn, bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, công văn trả lời số 318/CQĐT – ĐCSKT ngày 11/3/2021 của Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả lại số tiền đã nhận, bị đơn là bà Nguyễn Thị Trúc L có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòa Vang. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Trần Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Trúc L đều xác định vào năm 2019 bà T và bà L thỏa thuận với nhau về việc bà L nhận làm hồ sơ thủ tục giấy tờ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T và bà T đã giao tiền cho bà L nhiều lần với số tiền tổng cộng là 80.000.000 đồng. Sau đó, bà T và bà L đã nhiều lần xác nhận với nhau về việc giao nhận tiền và bà L hứa trả lại cho bà T số tiền trên nhưng đến nay vẫn chưa trả. Sự thừa nhận của các đương sự trên là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Trúc L nợ bà Trần Thị Thanh T số tiền 80.000.000 đồng.

[2.2] Theo biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 10/3/2020 thì bà L xác nhận đã nhận của bà T số tiền 80.000.000 đồng để làm giấy tờ đất và hứa sẽ trả tiền cho bà T hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng nhưng không thực hiện. Khi làm việc giải quyết tố cáo tại công an huyện Hòa Vang thì bà L tiếp tục thừa nhận việc nhận tiền của bà T và hẹn đến ngày 14/8/2020 sẽ trả dứt điểm số

tiền này nhưng đến nay bà L vẫn cố tình không trả nợ. Xét thấy, bà L đã nhiều lần cam kết trả tiền cho bà T nhưng đều không thực hiện và đến nay vẫn chưa trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, căn cứ Điều 280, 351 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc là 80.000.000 đồng.

[2.3] Bà L nhiều lần hứa hẹn trả nợ cho bà T, lần cuối cùng bà L hứa hẹn trả nợ là vào ngày 14/8/2020 nhưng đến nay vẫn chưa trả nên phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn, buộc bà L phải trả cho bà T tiền lãi với mức lãi suất 10%/ năm trên số tiền chậm trả (80.000.000 đồng) tương ứng với thời gian chậm trả (từ ngày ngày 15/8/2020 đến ngày 22/9/2021 là 403 ngày) với số tiền lãi là 8.832.877 đồng.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà L phải trả cho bà T số tiền nợ gốc và lãi là 80.000.000 đồng + 8.832.877 đồng = 88.832.877 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu theo qui định của pháp luật là $(88.832.877 \text{ đồng} \times 5\%) = 4.442.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 92, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274, 278, 280, 353, 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T đối với bà Nguyễn Thị Trúc L về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền là 88.832.877 đồng (*tám mươi tám triệu tám trăm ba hai nghìn tám trăm bảy bảy đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối

với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 4.442.000 đồng (*bốn triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng*). Hoàn trả cho bà Trần Thị Thanh T 2.045.000 đồng (*hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0471 ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà Vang;
- Chi cục THADS huyện Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

Phạm Anh Tuấn